

	BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN HÓA CHẤT	QC-MSDS-080
	Sản phẩm PTT Rustprotect M30	Ngày 11/09/2004

1. Thông tin sản phẩm

- 1.1. Tên thương mại: PTT Rustprotect M30
- 1.2. Công dụng
Được dùng như dầu chống rỉ
- 1.3. Số lượng lưu kho tối đa: chưa xác định
- 1.4. Nhà sản xuất/ Nhà nhập khẩu: PTT Public Company Limited

Địa chỉ: 555 Vipavadee-rangsit Rd., Jatujak Bangkok 10900

Điện thoại: +66(0)2537-2000

2. Phân loại

- 2.1. U.N Number: chưa xác định
- 2.2. CAS Number: chưa xác định
- 2.3. Nguy cơ gây ung thư : không

3. Thành phần độc hại: chỉ sử dụng phụ gia không độc hại

4. Đặc tính vật lý và hóa học:

- 4.1. Điểm sôi: chưa xác định
- 4.2. Điểm tan chảy: chưa xác định
- 4.3. Áp lực hơi (bốc lên): chưa xác định
- 4.4. Khả năng tan trong nước: không tan
- 4.5. Trọng lượng riêng: 0.849
- 4.6. Tỷ lệ bay hơi: chưa xác định
- 4.7. Màu và mùi: vàng, mùi dầu
- 4.8. pH value: chưa xác định

5. Thông số cháy nổ

- 5.1. Độ chớp cháy (thấp nhất) 204°C
- 5.2. Giới hạn cháy

LEL: chưa xác định (mật độ hơi nhỏ nhất dẫn đến cháy khi có nguồn cháy)

UEL: chưa xác định (mật độ hơi lớn nhất dẫn đến cháy khi có nguồn cháy)

- 5.3. Nhiệt độ tự bốc cháy: chưa xác định
- 5.4. Phản ứng hóa học: bền vững ở điều kiện sử dụng và lưu trữ thông thường
- 5.5. Các chất cần tránh: chất oxi hóa mạnh, chlorate, nitrates, peroxides
- 5.6. Các chất có nguy cơ phân hủy
CO, CO2, hơi nước, các ôxit của lưu huỳnh, nitrogen, phốt pho, boron

6. Thông số an toàn lao động

- 6.1. Ảnh hưởng
Hít phải: có
Tiếp xúc qua da: không

- Nuốt phải: có
- 6.2. Tác động vào da, mắt, niêm mạc
Gây kích ứng
 - 6.3. Tác động của việc tiếp xúc ngắn hạn
Chưa xác định
 - 6.4. Tác động của việc tiếp xúc lâu dài
Chưa xác định
 - 6.5. TLV (thời gian làm việc tối đa có thể gây hại): chưa xác định (ví dụ, 1 ngày 12 tiếng,...)
7. Biện pháp an toàn lao động
- 7.1. Các biện pháp bảo vệ đặc biệt
 - 7.1.1. Phòng cháy nổ: lưu trữ ở nơi khô thoáng, tránh nguồn có khả năng phát cháy và các nguồn oxi hóa mạnh
 - 7.1.2. Sự thông thoáng: giữ cho mật độ trong không khí dưới mức gây cháy nổ
 - 7.1.3. Biện pháp bảo vệ đường hô hấp
Sử dụng dụng cụ bảo vệ đường hô hấp (theo chuẩn) khi mật độ trong không khí vượt quá mức gây cháy nổ
 - 7.1.4. Bảo vệ tay
Sử dụng găng tay bảo hộ
 - 7.1.5. Bảo vệ mắt
Sử dụng kính đặc biệt
 - 7.1.6. Các biện pháp bảo hộ khác: chưa xác định
 - 7.2. Sơ - cấp cứu
 - 7.2.1. Tiếp xúc với da
Rửa bằng xà phòng nhẹ và nước
 - 7.2.2. Tiếp xúc với mắt
Xối nước trong 15 phút và yêu cầu hỗ trợ y tế
 - 7.2.3. Tiếp xúc đường hô hấp
Di chuyển tới vùng không khí trong lành, yêu cầu hỗ trợ y tế.
 - 7.2.4. Các biện pháp sơ - cấp cứu khác: chưa xác định
8. Các hướng dẫn đặc biệt
- 8.1. Lưu trữ và vận chuyển
Tránh nguồn phát cháy nổ, để nơi thông thoáng.
 - 8.2. Sự hao mòn: chưa xác định
 - 8.3. Tràn và rò rỉ
Tìm và chặn nguồn tràn/ rò rỉ, làm sạch. Cách ly tránh ô nhiễm đất và nước ngầm.
Đối với tràn/ rò rỉ nhỏ: làm sạch bằng chất có khả năng hấp thụ khi cần thiết.
 - 8.4. Sự tiêu hủy
Chứa trong thùng và các dụng cụ tiêu hủy theo luật.
 - 8.5. Chất dập cháy
CO₂, hóa chất khô, bọt, hơi nước.

Bà PHURITA PHOTISUK

(Trưởng Bộ phận Quản lý chất lượng)